

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17 /2020/DSST
Ngày 21 tháng 9 năm 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lam Điền.

2. Bà Nông Thị Lan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa :
ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 02/6/2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐST-DS ngày 01/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 15/9/2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th1 – sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm X, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trọng H – sinh năm 1972.

Nơi cư trú: đường M, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Th2 – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 của nguyên đơn Trần Văn Th1 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Trọng H trình bày:

Thông qua mạng xã hội, ông Trần Văn Th1 biết được bà Lê Thị Th2 đang có nhu cầu tìm người để bán dưa hấu (loại ruột đỏ) từ Đắk Lắk để xuất khẩu sang Trung Quốc, ông Th1 đã liên hệ qua điện thoại với bà Th2 để đặt mua của bà Th2

100 tấn dưa hấu với giá 5.000đ (năm nghìn đồng)/01 kg X 100 tấn = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Sau khi thỏa thuận qua điện thoại về giá cả, phương thức thanh toán, giao nhận hàng thì bà Th2 yêu cầu ông chuyển tiền cho bà Th2 trước rồi bà Th2 sẽ có trách nhiệm giao hàng sau cho ông tại cửa khẩu K.

Trong thời gian từ 30/3/2020 đến 03/4/2020 ông Th1 đã chuyển 05 lần vào số tài khoản 5213205847464 của bà Th2 mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền thì bà Th2 không giao hàng cho ông như đã thỏa thuận. Ông khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu buộc bà Th2 có trách nhiệm và nghĩa vụ trả lại cho ông toàn bộ số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Đến ngày 21/8/2020, ông Trần Văn Th1 (thông qua người đại diện là ông Trần Trọng H) đã nộp bản tự khai với nội dung bổ sung: bà Th2 đã giao cho ông 02 xe ô tô hàng có khối lượng 62 tấn dưa, thành tiền là 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng). Số hàng còn lại là 38 tấn tương đương số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) thì bà Th2 không chịu giao hàng cho ông Th1 như thỏa thuận. Ông Th1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk buộc bà Th2 có nghĩa vụ trả lại cho ông 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Ngày 25/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Trọng H đã có đơn xin thay đổi và rút một phần nội dung khởi kiện: Từ yêu cầu buộc bà Lê Thị Th2 phải thanh toán 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) nay rút xuống yêu cầu bà Lê Thị Th2 phải trả cho ông Trần Văn Th1 số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Trần Trọng H đã chấp nhận việc bà Th2 cho lái xe của ông Th1 tạm ứng số tiền đi đường là 10.000.000đ (mười triệu đồng), khấu trừ đi số tiền trên, yêu cầu bà Lê Thị Th2 phải trả lại cho ông Trần Văn Th1 số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn:

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, tại bản tự khai ngày 10/6/2020, tại phiên hòa giải ngày 15/7/2020 và ngày 03/8/2020 bà Lê Thị Th2 thừa nhận: ngày 30/3/2020 bà có giao dịch qua điện thoại với ông Trần Văn Th1, hai bên thỏa thuận bà Th2 sẽ bán cho ông Th1 03 xe dưa hấu (100 tấn) (loại ruột đỏ) với giá 5.000đ (năm nghìn đồng)/01kg X 100 tấn = 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Sau khi thỏa thuận, ông Th1 đã chuyển khoản cho bà Th2 số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Bà Th2 đã chuyển cho ông Th1: 62 tấn dưa theo thỏa thuận (trị giá 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng)). Bà Th2 cũng đã cho lái xe của ông Th1 ứng 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền đi đường. Sau khi chuyển 02 xe bà Th2 còn giữ của ông Th1 số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), là đúng như ý kiến của nguyên đơn Trần Văn Th1.

Tuy nhiên bà Th2 cho rằng: Vào ngày 04/3/2020 ông Th1 có đặt mua thêm 01 xe dừa hấu (30 tấn). Ngày 05/3/2020 bà Th2 có yêu cầu ông Th1 chuyển đủ tiền 02 xe còn lại để xe lăn bánh, nhưng do bên Trung Quốc không thu mua dừa nữa, nên ông Th1 không lấy xe thứ tư như đã đặt. Vì vậy bà Th2 không chuyển tiếp hàng cho ông Th1. Do không thỏa thuận được với ông Th1, bà Th2 đã bán 02 xe dừa này cho khách quen để thu lại vốn. Sau khi tính toán trừ lỗ thì số tiền bà Th2 còn cầm của ông Th1 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Bà có đề nghị trả lại số tiền trên cho ông Th1, nhưng ông Th1 không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn. Nhưng bà Th2 không có chứng cứ gì chứng minh cho sự việc này.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Trọng H không đồng ý với ý kiến của bà Th2 và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện buôn Đôn giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư Ký Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 437 Bộ luật dân sự;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại sau khi nguyên đơn rút một phần khởi kiện.

Buộc bà Lê Thị Th2 phải trả lại cho ông Trần Văn Th1 số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do giao hàng không đủ số lượng, nguyên đơn không yêu cầu, không đề cập.

Về án phí, bà Lê Thị Th2 phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Giữa ông Trần Văn Th1 và bà Lê Thị Th2 có thỏa thuận giao dịch qua điện thoại về hợp đồng mua bán dưa hấu tuy không lập thành văn bản, nhưng đây là hợp đồng mua bán tài sản được hai bên thừa nhận. Sau đó xảy ra tranh chấp thì thuộc vào tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị Th2 thường trú tại thôn H xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho bà Lê Thị Th2, nhưng tại phiên tòa ngày 15 tháng 9 năm 2020 bà Th2 vắng mặt, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà Th2 vẫn vắng mặt, nên Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cả nguyên đơn và bị đơn đều đã thừa nhận các nội dung: Thông qua mạng xã hội, ông Trần Văn Th1 biết bà Lê Thị Th2 có bán dưa hấu, nên đã gọi điện đặt hàng với khối lượng 100 tấn, đơn giá 5.000đ (năm nghìn đồng/01 kg). Bà Th2 đã đồng ý và yêu cầu ông Th1 chuyển tiền vào tài khoản cho bà Th2 năm lần, tổng cộng số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Bà Th2 đã chuyển cho ông Th1: 02 xe dưa hấu, khối lượng 62 tấn, trị giá 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng). Ngoài ra bà Th2 còn cho lái xe của ông Th1 ứng 10.000.000đ (mười triệu đồng) đi đường. Cộng là 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Số dưa hấu còn lại 38 tấn trị giá 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) bà Th2 chưa giao cho ông Th1 là đã vi phạm trách nhiệm do giao tài sản không đúng số lượng của bên bán.

Hợp đồng mua bán giữa ông Trần Văn Th1 và bà Lê Thị Th2 là hợp đồng giao kết bằng miệng nhưng không trái đạo đức, phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên bà Lê Thị Th2 chưa giao số dưa 38 tấn còn lại theo thỏa thuận giữa hai bên.

Theo quy định tại các Điều 430 và 437 Bộ luật dân sự, bên mua ông Trần Văn Th1 có quyền được đòi lại số tiền tương đương với số dưa hấu bà Th2 chưa giao 38 tấn, trị giá 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), khấu trừ 10.000.000đ (mười triệu đồng) bà Th2 đã cho lái xe của ông Th1 ứng đi đường, số tiền còn lại là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Xét lời khai của bà Th2: Vào ngày 04/3/2020 ông Th1 có đặt thêm một xe dưa hấu (xe thứ tư) khối lượng 30 tấn. Ngày 05/3/2020 bà Th2 có yêu cầu ông Th1

chuyển đủ tiền thì sẽ giao hai xe dừa hấu còn lại. Nhưng ông Th1 không chuyển tiền nên bà không giao nốt xe thứ ba (ba mươi tám tấn còn lại) như thỏa thuận ban đầu. Bà cho rằng do bà đã đặt cọc chủ vườn dừa 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ông Th1 không mua hết (xe thứ tư) thì chủ vườn không đồng ý cho cắt dừa và phạt tiền cọc. Do vậy bà đã phải bán hai xe dừa cho khách quen để gỡ vốn. Bà tính toán rằng sau khi trừ lỗ thì bà còn cầm của ông Th1: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Tuy nhiên bà không đưa ra được những tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho những lý lẽ trên, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bà Lê Thị Th2 đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 437 Bộ luật dân sự, nên cần buộc bà Lê Thị Th2 phải trả cho ông Trần Văn Th1: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu) số tiền còn lại do vi phạm không giao đủ số lượng tài sản thỏa thuận trong hợp đồng mua bán.

Về bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện còn lại sau khi rút một phần khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST là: 9.000.000đ (chín triệu đồng). Trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số:0000675 ngày 02/6/2020. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 385, 430, 434, 436, khoản 2 Điều 437 Bộ luật dân sự;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Th1 đối với số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại sau khi rút một phần khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Th1.

Buộc bà Lê Thị Th2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn Th1 số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.Về án phí: Bà Lê Thị Th2 phải nộp 9.000.000đ (chín triệu đồng) án phí DSST.

Trả lại cho ông Trần Văn Th1 số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà nguyên đơn Trần Văn Th1 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn (do ông Trần Trọng H nộp thay) theo biên lai số: 0000675 ngày 02/6/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Hối

